

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Kèm theo Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, các mẫu biểu của Thông tư số 156/2013/TT-BTC được sửa đổi - bổ sung được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất)

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
		1. Thay đổi , bổ sung thông tin đăng ký thuế	Điều 9	
1	1	08-MST Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		2. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế	Điều 10	
2	1	01/KHBS Bản giải trình khai bổ sung, điều chỉnh		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		3. Khai thuế Giá trị gia tăng (GTGT)	Điều 11	
3	1	01/GTGT Tờ khai thuế Giá trị gia tăng		sửa đổi, bổ sung theo TT 26/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015
4	2	01-1/GTGT Phụ lục bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra		được bãi bỏ theo TT 26/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015
5	3	01-2/GTGT Phụ lục bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào		được bãi bỏ theo TT 26/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015
6	4	01-3/GTGT Bảng kê hàng hóa dịch vụ được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
7	5	01-4A/GTGT Phụ lục bảng phân bổ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
8	6	01-4B/GTGT Phụ lục bảng kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào phân bổ được khấu trừ năm		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
9	7	01-5/GTGT	Phụ lục bảng kê số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
10	8	01-6/GTGT	Phụ lục bảng phân bổ thuế GTGT cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
11	9	01-7/GTGT	Phụ lục bảng kê số lượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy bán ra	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
12	10	02/GTGT	Tờ khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
13	11	03/GTGT	Tờ khai thuế GTGT dành cho NNT mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý	sửa đổi, bổ sung theo TT 119/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/9/2014
14	12	04/GTGT	Tờ khai thuế GTGT dành cho NNT tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
15	13	04-1/GTGT	Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra	được bãi bỏ theo TT 26/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015
16	14	05/GTGT	Tờ khai thuế GTGT tạm nộp trên doanh số đối với kinh doanh ngoại tỉnh	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
17	15	06/GTGT	Thông báo áp dụng phương pháp tính thuế GTGT	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
18	16	07/GTGT	Thông báo chuyển đổi kỳ khai thuế GTGT từ Quý sang Tháng	bổ sung theo TT 151/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 15/11/2014
		4. Khai thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	Điều 12	
19	1	01A/TNDN	Tờ khai thuế TNDN tạm tính dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
20	2	01B/TNDN	Tờ khai thuế TNDN tạm tính dành cho người nộp thuế khai theo tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
21	3	01-1/TNDN Phụ lục tính nộp thuế TNDN tạm tính quý của doanh nghiệp có các cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
22	4	02/TNDN <i>Tờ khai thuế TNDN dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh</i>		sửa đổi, bổ sung theo TT151/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 15/11/2014
23	5	02-1/TNDN Bảng kê chi tiết các bên nhận chuyển nhượng bất động sản		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
24	6	03/TNDN <i>Tờ khai quyết toán thuế TNDN</i>		sửa đổi, bổ sung theo TT151/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 15/11/2014
25	7	03-1A/TNDN Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ.		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
26	8	03-1B/TNDN Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dành cho người nộp thuế thuộc các ngành ngân hàng, tín dụng		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
27	9	03-1C/TNDN Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dành cho người nộp thuế là Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
28	10	03-2/TNDN Phụ lục chuyển lỗ		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
29	11	03-3A/TNDN Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới và dự án đầu tư đặc biệt quan trọng		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
30	12	03-3B/TNDN Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất (Dự án đầu tư mở rộng)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
31	13	03-3C/TNDN Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số, hoặc DN hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
32	14	03-4/TNDN Phụ lục thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
33	15	03-5/TNDN <i>Phụ lục thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>		<i>sửa đổi, bổ sung theo TT 151/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 15/11/2014</i>
34	16	03-6/TNDN <i>Phụ lục báo cáo trích, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ</i>		<i>được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 TTTLT 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016 và áp dụng cho việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016</i>
35	17	03-7/TNDN Phụ lục Thông tin về giao dịch liên kết		<i>được bãi bỏ và thay thế bởi các mẫu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 41/2017/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2017</i>
36	18	03-8/TNDN Phụ lục tính nộp thuế TNDN tạm tính quý của doanh nghiệp có các cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
37	19	04/TNDN <i>Tờ khai thuế TNDN dùng cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu</i>		<i>sửa đổi, bổ sung theo TT 151/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 15/11/2014</i>
38	20	05/TNDN Tờ khai thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
39	21	06/TNDN <i>Tờ khai thuế TNDN dùng cho DN kê khai thuế TNDN từ hoạt động bán toàn bộ Công ty TNHH MTV do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với BDS</i>		<i>sửa đổi, bổ sung theo TT 151/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 15/11/2014</i>

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu		Điều , Chương	Ghi chú
		5. Khai thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)		Điều 13	
40	1	01/TTĐB	Tờ khai thuế TTĐB		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
41	2	01-1/TTĐB	Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế TTĐB		được bãi bỏ theo TT 26/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015
42	3	01-2/TTĐB	Bảng kê hóa đơn hàng hóa mua vào chịu thuế TTĐB		được bãi bỏ theo TT 26/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2016
		6. Khai thuế tài nguyên		Điều 14	
43	1	01/TAIN	Tờ khai thuế tài nguyên		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
44	2	02/TAIN	Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		7. Khai thuế Bảo vệ môi trường (BVMT)		Điều 15	
45	1	01/TBVMT	Tờ khai thuế bảo vệ môi trường		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
46	2	01-1/TBVMT	Bảng phân bổ thuế bảo vệ môi trường phải nộp cho các địa phương		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		8. Khai, hoàn, miễn, giảm thuế Thu nhập cá nhân (TNCN)		Điều 16, Điều 46,	
47	1	02/KK-TNCN	Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công		sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
48	2	03/KK-TNCN	Tờ khai khấu trừ thuế dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú		
49	3	04-2/TNCN	Giấy ủy quyền quyết toán thuế TNCN		

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
50	4	05/KK-TNCN <i>Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công cho cá nhân</i>		
51	5	05-1/BK-TNCN <i>Phụ lục bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động</i>		<i>sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
52	6	05-2/BK-TNCN <i>Phụ lục bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng và cá nhân không cư trú</i>		
53	7	05-3/BK-TNCN <i>Phụ lục bảng kê thông tin người phụ thuộc, giảm trừ gia cảnh</i>		
54	8	06/KK-TNCN <i>Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú</i>		<i>Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC</i>
55	9	06-1/BK-TNCN <i>Phụ lục bảng kê chi tiết giá trị chuyển nhượng và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 06/KK-TNCN)</i>		<i>Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC</i>
56	10	07/KK-TNCN <i>Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai trực tiếp với cơ quan thuế</i>		<i>sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
57	11	08/KK-TNCN	Tờ khai tạm nộp thuế TNCN dành cho cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
58	12	08A/KK-TNCN	Tờ khai tạm nộp thuế TNCN dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
59	13	08B/KK-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
60	14	09/KK-TNCN	<i>Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và cá nhân có thu nhập từ kinh doanh</i>	<i>sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
61	15	09-1/PL-TNCN	Phụ lục Thu nhập từ tiền lương tiền công kèm theo tờ khai quyết toán thuế mẫu số 09/KK-TNCN năm	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
62	16	09-2/PL-TNCN	Phụ lục Thu nhập từ kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế mẫu số 09/KK-TNCN năm	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
63	17	09-3/PL-TNCN	<i>Phụ lục Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc kèm theo tờ khai quyết toán thuế 09/KK-TNCN năm</i>	<i>sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
64	18	09-4/PL-TNCN	Phụ lục thu nhập từ xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp (kèm Tờ khai 09/KK-TNCN)	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
65	19	11/KK-TNCN	<i>Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản</i>	<i>sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
66	20	11-1/TB-TNCN	<i>Thông báo nộp thuế TNCN</i>	

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
67	21	12/KK-TNCN	Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
68	22	12-1/TB-TNCN	Thông báo nộp thuế TNCN	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
69	23	13/KK-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
70	24	13-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết chứng khoán đã chuyển nhượng trong năm	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
71	25	14/KK-TNCN	Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
72	26	14-1/TB-TNCN	Thông báo nộp thuế TNCN	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
73	27	16/DK-TNCN	Mẫu đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh	sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
74	28	16-1/TB-MST	Thông báo Mã số thuế Người phụ thuộc	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
75	29	17/TNCN	Đơn đề nghị cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN	sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
76	30	18/MGT-TNCN	Văn bản đề nghị giảm thuế TNCN	sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
77	31	19/KK-TNCN	Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ kinh doanh, đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng từ nước ngoài	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
78	32	20/TXN-TNCN	Thư xác nhận thu nhập năm	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
79	33	21a/XN-TNCN	Bản kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng	sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
80		21b/XN-TNCN	Bản kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng	
81	34	23/CK-TNCN	Bản cam kết	sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
82	35	24/KK-TNCN	Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn khi chuyển nhượng	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
83	36	01/KK-BHĐC	Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho doanh nghiệp bảo hiểm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập của đại lý bảo hiểm, thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ; công ty quản lý quỹ hưu trí tự nguyện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tiền tích lũy quỹ hưu trí tự nguyện; doanh nghiệp bán hàng đa cấp khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập của cá nhân tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp	sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
84	37	02/KK-BHĐC		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
85		02-1/BK-BH		sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
86	38	02-2/BK-ĐC		sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
87		01/KK-XS		sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
88	39	02/KK-XS		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
89		02-1/BK-XS		sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
90	40	25/DS-TNCN <i>Danh sách cá nhân nhận thu nhập dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế TNCN</i>		<i>sửa đổi, bổ sung theo TT151/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 15/11/2014</i>
		9. Khai thuế môn bài (MBAI)		
91	1	01/MBAI Tờ khai thuế môn bài		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		10. Khai thuế liên quan đến sử dụng đất đai	Điều 18	
92	1	01/TK-SDDPNN Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (dùng cho hộ gia đình, cá nhân)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
93	2	02/TK-SDDPNN Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (dùng cho tổ chức)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
94	3	03/TKTH-SDDPNN Tờ khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (dành cho hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
95	4	01/TB-SDDPNN Thông báo nộp thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
96	5	01/SDNN Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (dùng cho tổ chức có đất chịu thuế)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
97	6	02/SDNN Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (dùng cho hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
98	7	03/SDNN Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (dùng cho đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
99	8	04/SDNN Thông báo nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
100	9	01/TSDĐ <i>Tờ khai tiền sử dụng đất</i>		<i>được bãi bỏ theo TT 76/2014/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/8/2015</i>
101	10	02/TSDĐ <i>Thông báo nộp tiền sử dụng đất</i>		<i>được bãi bỏ theo TT 76/2014/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/8/2015</i>

Số TT		Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
102	11	01/TMĐN	Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước		được bãi bỏ theo TT 77/2014/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/8/2015
103	12	02/TMĐN	Thông báo nộp tiền thuê đất		được bãi bỏ theo TT 77/2014/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/8/2015
		11. Khai phí, lệ phí		Điều 19	
104	1	01/BVMT	Tờ khai phí bảo vệ môi trường		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
105	2	02/BVMT	Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
106	3	01/PHLP	Tờ khai phí, lệ phí		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
107	4	02/PHLP	Tờ khai quyết toán phí, lệ phí		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
108	5	01/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
109	6	02/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
110	7	01-1/LPTB	Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất		sửa đổi, bổ sung theo TT 119/2014/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014
		12. Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài		Điều 20	
111	1	01/NTNN	Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (dành cho trường hợp bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
112	2	01/TNKDCK	Giấy chứng nhận tài khoản lưu ký cổ phiếu, trái phiếu		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
113	3	01/HKNN	Tờ khai thuế đối với hàng Hàng không nước ngoài		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
114	4	01-1/HKNN	Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (dành cho vận tải hàng không quốc tế)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
115	5	01-2/HKNN Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (dành cho trường hợp hoán đổi, chia chõ trong vận tải hàng không quốc tế)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
116	6	01/VTNN Tờ khai thuế đối với hàng vận tải nước ngoài		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
117	7	01-1/VTNN Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
118	8	01-2/VTNN Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (dành cho trường hợp hoán đổi/chia chõ)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
119	9	01-3/VTNN Phụ lục bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
120	10	01/TBH Tờ khai thuế đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
121	11	01/TBH-TB Thông báo dự kiến: Thông báo áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt nam và ... (tên vùng, lãnh thổ ký kết) đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh không thực hiện chế độ kê toán Việt Nam		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
122	12	01-1/TBH-TB Phụ lục bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã hoặc dự kiến ký kết		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
123	13	02/TBH-TB Thông báo chính thức: Thông báo áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt nam và ... (tên vùng, lãnh thổ ký kết) đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh không thực hiện chế độ kê toán Việt Nam		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
124	14	02-1/TBH-TB Phụ lục danh mục hợp đồng tái bảo hiểm		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
125	15	01/HTQT	Thông báo áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định giữa Việt Nam và....(tên nước, vùng, lãnh thổ ký kết)	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
126	16	02/NTNN	Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài dành cho trường hợp Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài.	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
127	17	02-1/NTNN	Phụ lục bảng kê các nhà thầu nước ngoài	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
128	18	02-2/NTNN	Phụ lục bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
129	19	03/NTNN	Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (dành cho nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
130	20	04/NTNN	Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài (dành cho nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		13. Khai thuế khoán và cho thuê tài sản	Điều 21	
131	1	01/THKH	Tờ khai thuế khoán dành cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016
132	2	01-1/THKH	Phụ lục chi tiết giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
133	3	02/THKH <i>Thông báo nộp thuế áp dụng với hộ gia đình, cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán</i>		<i>sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
134	4	03/THKH <i>Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra</i>		<i>được bãi bỏ theo TT26/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015</i>
135		01A/KK-HĐ <i>Tờ khai thuế TNCN, GTGT (cho hộ khoán)</i>		<i>sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
136	5	01-1/TB-HĐ <i>Thông báo nộp bổ sung thuế</i>		<i>Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC</i>
137	6	01/KK-TTS <i>Tờ khai thuế hoạt động cho thuê tài sản</i>		<i>sửa đổi theo TT 92/2015/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
		14. Khai thuế đối với thuỷ điện	Điều 23	
138	1	01/TĐ-GTGT <i>Tờ khai thuế GTGT dành cho các cơ sở sản xuất thuỷ điện hạch toán phụ thuộc EVN</i>		<i>Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC</i>
139	2	01-1/TĐ-GTGT <i>Số thuế GTGT phải nộp của cơ sở sản xuất thuỷ điện cho các địa phương</i>		<i>Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC</i>
140	3	01-2/TĐ-GTGT <i>Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp của cơ sở sản xuất thuỷ điện cho các địa phương</i>		<i>Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC</i>

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
141	4	02-1/TĐ-TNDN <i>Bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp của cơ sở sản xuất thuỷ điện cho các địa phương</i>		sửa đổi, bổ sung theo TT151/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 15/11/2014
142	5	03/TĐ-TAIN <i>Tờ khai thuế tài nguyên dành cho cơ sở sản xuất thuỷ điện</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
143	6	03-1/TĐ-TAIN <i>Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp của cơ sở sản xuất thuỷ điện cho các địa phương</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
144	7	03A/TĐ-TAIN <i>Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		15. Khai thuế TNDN, thuế tài nguyên đối với hoạt động dầu khí	Điều 24	
145	1	01A/TNDN-DK <i>Tờ khai thuế TNDN tạm tính đối với dầu khí</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
146	2	01B/TNDN -DK <i>Tờ khai thuế TNDN tạm tính đối với khí thiên nhiên</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
147	3	01/PL-DK <i>Phụ lục chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
148	4	02/TNDN -DK <i>Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với dầu khí</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
149	5	02-1/PL-DK <i>Phụ lục sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
150	6	01/BCTL-DK <i>Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
151	7	01/TAIN-DK <i>Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
152	8	02/TAIN-DK <i>Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		16. Án định thuế	Điều 25	
153	1	01/AĐTH <i>Quyết định về việc án định số thuế phải nộp</i>		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		17. Nộp thuế	Chương III	

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
154	1	01/NOPT	Thông báo về việc hạch toán lại các khoản tiền thuế, tiền phạt nộp ngân sách nhà nước	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
155	2	01/GHAN	Văn bản đề nghị gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
156	3	02/GHAN	Quyết định về việc chấp nhận hồ sơ gia hạn nộp thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
157	4	03/GHAN	Thông báo về việc bổ sung hồ sơ gia hạn nộp thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
158	5	04/GHAN	Thông báo không chấp nhận hồ sơ gia hạn nộp thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
159	6	01/NDAN	Văn bản đề nghị nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
160	7	02/NDAN	Quyết định về việc nộp dần tiền thuế nợ	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
161	8	03/NDAN	Thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ nộp dần tiền thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
162	9	04/NDAN	Thông báo về việc bổ sung hồ sơ nộp dần tiền thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
163	10	05/NDAN	Xác minh thư bảo lãnh	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
164	11	06/NDAN	Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
165	12	01/MTCN	Quyết định miễn tiền chậm nộp	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		18. Uỷ nhiệm thu thuế	Chương IV	
166	1	01/UNTH	Hợp đồng uỷ nhiệm thu thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
167	2	02/UNTH	Biên bản thanh lý hợp đồng uỷ nhiệm thu thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
168	3	03/UNTH	Báo cáo tình hình thu nộp thuế theo hợp đồng ủy nhiệm thu	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu		Điều , Chương	Ghi chú
169	4	04/UNTH	Báo cáo quyết toán sử dụng biên lai thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		19. Xác nhận nghĩa vụ thuế		Điều 44	
170	1	02/HTQT	Giấy đề nghị khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam theo Hiệp định giữa Việt Nam và...(tên nước ký kết) áp dụng cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
171	2	03/HTQT	Giấy đề nghị xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam theo Hiệp định giữa Việt Nam và...(tên nước ký kết) dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú nước ngoài		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
172	3	04/HTQT	Giấy xác nhận thuế thu nhập đã nộp tại Việt Nam		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
173	4	05/HTQT	Giấy xác nhận thuế thu nhập đã nộp tại Việt Nam đối với thu nhập từ tiền lãi cổ phần, lãi tiền cho vay, tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật.		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
174	5	06/HTQT	Giấy đề nghị xác nhận cư trú của Việt Nam dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam.		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
175	6	07/HTQT	Giấy chứng nhận cư trú		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		20. Miễn thuế, giảm thuế		Điều 46	
176	1	01/MGTH	Văn bản đề nghị miễn (giảm) thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
177	2	02/MGTH	Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
178	3	03/MGTH	<i>Quyết định về việc miễn (giảm) thuế (được bãi bỏ theo TT 77/2015/TT-BTC)</i>		<i>được bãi bỏ theo TT 76/2014/TT-BTC và TT 77/2014/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/8/2015</i>
179	4	04/MGTH	Thông báo về việc người nộp thuế không thuộc diện được miễn thuế (giảm thuế)		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
180	5	01/MTPDTA	Thông báo miễn giảm thuế theo các điều ước quốc tế không phải là Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Điều 47 Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		21. Xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp, tiền phạt	Điều 48	
181	1	01/XOANO	Công văn đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền phạt	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
182	2	02/XOANO	Công văn thông báo bổ sung hồ sơ đề nghị xoá nợ tiền thuế, tiền phạt	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
183	3	03/XOANO	Quyết định về việc xoá nợ tiền thuế, tiền phạt cho người nộp thuế của UBND	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
184	4	04/XOANO	Quyết định xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của TCT	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
185	5	05/XNTH	Quyết định xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của BTC	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
186	6	06/XOANO	Quyết định xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của TTg CP	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
187	7	07/XOANO	Thông báo trường hợp không thuộc diện được xoá nợ tiền thuế, tiền phạt	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		22. Hoàn thuế	Chương VII	
188	1	01/ĐNHT	Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
189	2	01-1/ĐNHT	Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào	được bãi bỏ theo TT 26/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015
190	3	01-2/ĐNHT	Bảng kê thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho cơ quan đại diện ngoại giao	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
191	4	01-3/ĐNHT	Bảng kê thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho viên chức ngoại giao Việt Nam	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
192	5	01-4/ĐNHT	Bảng kê hồ sơ hàng hoá nhập khẩu	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
193	6	02/ĐNHT	Giấy đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định giữa Việt Nam và...(tên vùng, lãnh thổ ký kết) áp dụng cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài.	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
194	7	01/HT-TB	Thông báo về việc chuyển hồ sơ hoàn thuế sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
195	8	02/HT-TB	Thông báo về việc không được hoàn thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
196	9	01/QĐHT	Quyết định về việc hoàn thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
197	10	02/QĐHT	Quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		23. Thanh tra, kiểm tra thuế		
198	1	01/KTTT	Thông báo về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
199	2	02/KTTT	Biên bản làm việc về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
200	3	03/KTTT	Quyết định về việc thanh tra (kiểm tra) thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
201	4	04/KTTT	Biên bản thanh tra (kiểm tra)	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
202	5	05/KTTT	Biên bản công bố quyết định thanh tra (kiểm tra)	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
203	6	06/KTTT	Kết luận thanh tra thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
204	7	07/KTTT	Thông báo về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác thanh tra thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
205	8	08/KTTT	Thông báo về việc cung cấp thông tin bằng trả lời trực tiếp phục vụ công tác thanh tra thuế	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
206	9	09/KTTT	Biên bản làm việc về việc cung cấp thông tin	Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều , Chương	Ghi chú
207	10	10/KTTT Quyết định về việc tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
208	11	11/KTTT Biên bản tạm giữ tài liệu, tang vật liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
209	12	12/KTTT Quyết định về việc xử lý tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
210	13	13/KTTT Biên bản trả lại tiền, đồ vật, giấy phép bị tạm giữ		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
211	14	14/KTTT Quyết định về việc niêm phong tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
212	15	15/KTTT Biên bản khám nới cất giấu tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
213	16	16/KTTT Quyết định về việc kiểm kê tài sản liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
214	17	17/KTTT Biên bản kiểm kê tài sản liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
215	18	18/KTTT Quyết định về việc gia hạn thời hạn thanh tra (kiểm tra) thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
216	19	19/KTTT Quyết định về việc bãi bỏ quyết định kiểm tra thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
217	20	20/KTTT Quyết định về việc xử lý thuế qua thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
218	21	Báo cáo tiến độ thực hiện thanh tra		Giữ nguyên theo TT 156/2013/TT-BTC
		Tổng số mẫu Biểu	218	
		Số mẫu biểu được bãi bỏ	17	
		Số mẫu biểu được sửa đổi, bổ sung	38	
		Số mẫu biểu còn hiệu lực thi hành	197	

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Tên đơn vị/cá nhân:

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đơn vị đăng ký thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I. Điều chỉnh thông tin <u>Các chỉ tiêu trên Tờ khai đăng ký thuế:</u> 1. <i>Tên chính thức</i> 2. <i>Địa chỉ trụ sở</i> 3. <i>Địa chỉ nhận thông báo thuế</i> 4. <i>Quyết định thành lập</i> 5. <i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i> 6. <i>Đăng ký xuất nhập khẩu</i> 7. <i>Ngành nghề kinh doanh chính</i> 8. <i>Vốn điều lệ</i> 9. <i>Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh</i> 10. <i>Loại hình kinh tế</i> 11. <i>Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh</i> 12. <i>Năm tài chính</i> 13. <i>Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan cấp trực tiếp)</i> 14. <i>Thông tin về người đại diện theo pháp luật</i> 15. <i>Các loại thuế phải nộp</i> 16. <i>Thông tin về các đơn vị có liên quan</i> 17. <i>Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, và số điện thoại liên lạc của Tổng giám đốc, Giám đốc,... và kế toán trưởng của doanh nghiệp.</i> 18. <i>Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có)</i> Ví dụ: - Chỉ tiêu 3: Địa chỉ nhận Thông báo thuế		
	124 Lò Đức-Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội

II. Bổ sung thông tin tài khoản của người nộp thuế:	Số tài khoản: 01011122334455 Mở tại:.....
--	---

Đơn vị/cá nhân cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

Phần dành cho cơ quan thuế ghi: **Chương ... Khoản ...**

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP

PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cột (1): chỉ tiêu trên mỗi tờ khai đăng ký thuế
- Cột (2): ghi lại nội dung thông tin đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất
- Cột (3): ghi chính xác chỉ tiêu muốn thay đổi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số: 01/KHBS
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỒ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại Tờ khai thuếmẫu số
kỳ tính thuế..... ngày ... tháng ... năm ...)

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

[03] Địa chỉ:

[04] Quận/huyện: [05] Tỉnh/thành phố:

[06] Điện thoại: [07] Fax: [08] Email:

[09] Tên đại lý thuế (nếu có):

[10] Mã số thuế:

[11] Địa chỉ:

[12] Quận/huyện: [13] Tỉnh/thành phố:

[14] Điện thoại: [15] Fax: [16] Email:

[17] Hợp đồng đại lý thuế số.....ngày.....

A. Nội dung bổ sung, điều chỉnh thông tin đã kê khai:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu điều chỉnh	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I	Chi tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp,				
...	...				
II.	Chi tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp,				
...	...				
III	Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp; (tăng: +; giảm: -):				
...					

B. Tính số tiền chậm nộp:

1. Số ngày chậm nộp:

2. Số tiền chậm nộp (= số thuế điều chỉnh tăng x số ngày chậm nộp x mức tiền chậm nộp %):

C. Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

1. Người nộp thuế tự phát hiện số tiền thuế đã được hoàn phải trả NSNN là ... đồng thuộc Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu NSNN số ... ngày của ...(*tên cơ quan thuế quyết định hoàn thuế*)...

- Số ngày nhận được tiền hoàn thuế:

- Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức tiền chậm nộp %):

2. Lý do khác:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- a) Hướng dẫn kê khai mục III. Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp, (tăng: +; giảm: -) đối với khai bổ sung điều chỉnh tờ khai 01/GTGT
- 1. Điều chỉnh số thuế phải nộp (đối với thuế GTGT là chi tiêu [40])
 - 2. Điều chỉnh số thuế GTGT chưa khấu trừ hết (chi tiêu [43])
- b) Trường hợp KHBS kèm theo tờ khai thuế đối với dầu khí thì đơn vị tiền có thể là VNĐ hoặc USD./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 26/2015/TT-BTC ngày
27/02/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG¹

(Dành cho người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm hoặc quý năm.....

[02] Lần đầu []

[03] Bổ sung lần thứ []

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:

[08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:

[10] Fax:

[11] E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/ huyện:

[16] Tỉnh/thành phố

[17] Điện thoại:

[18] Fax:

[19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22]
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	[24]
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25]
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27]	[28]
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	[31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	[33]
d	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	[34]	[35]
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])		[36]
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37]
2	Điều chỉnh tăng		[38]
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh		[39]
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39]>0)	[40a]	
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế	[40b]	
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])		[40]
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39]<0)		[41]
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn		[42]
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyen kỳ sau ([43]=[41]-[42])		[43]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- GTGT: Giá trị Gia tăng

- HHDV: Hàng hóa dịch vụ

¹ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

PHỤ LỤC

Mẫu số: 01-1/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)
(được bãi bỏ)²

² Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Phụ lục

Mẫu số: 01 -2/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156 /2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)
(được bãi bỏ)³

³ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

BẢNG KÊ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC ÁP DỤNG THUẾ SUẤT THUẾ GTGT 0%

(Kèm theo Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng.....năm hoặc quý....năm....

Mẫu số: 01-3/GTGT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)*

02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: /

[04] Tên đại lý thuế:.....

Các tài liệu khác (nếu có):.....

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

..., ngày tháng năm

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- Cột “Tờ khai số” ghi đầy đủ chữ số và ký hiệu của Tờ khai hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
 - Cột “Ngày đăng ký” ghi rõ ngày tháng năm đăng ký Tờ khai hàng hoá xuất nhập khẩu
 - Cột “Ngoại tệ” ghi rõ số tiền và đồng tiền thanh toán đối với ngoại tệ; cột “Đồng Việt Nam” ghi rõ số tiền thanh toán nếu đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam (trường hợp trên tài liệu có ghi cả hai đồng tiền thanh toán là ngoại tệ và Đồng Việt Nam thì phải ghi vào cả 2 cột này).
 - Trường hợp người nộp thuế xuất khẩu hàng hoá để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài thì cột “Hợp đồng xuất khẩu” ghi Văn bản ban hành Danh mục hàng hoá xuất khẩu để xây dựng công trình ở nước ngoài./.

PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA HÀNG HÓA DỊCH VỤ MUA VÀO ĐƯỢC KHẤU TRỪ TRONG KỲ (Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.....năm..... hoặc quý.....năm....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

A. Thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ: đồng.

Trong đó:

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp HHDV không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ:
- Thuế GTGT của HHDV mua vào không đủ điều kiện khấu trừ:
- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ:

B. Phân bổ số thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (1)	
2	Doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trong kỳ (2)	
3	Tỷ lệ % doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trên tổng doanh thu của kỳ kê khai (3) = (2) / (1)	
4	Thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ trong kỳ (4)	
5	Thuế GTGT của HHDV mua vào được khấu trừ trong kỳ (5) = (4) x (3)	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: - GTGT: giá trị gia tăng

- HHDV: hàng hóa dịch vụ; SXKD: sản xuất kinh doanh.

PHỤ LỤC

Mẫu số: 01-4B/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT ĐẦU VÀO PHÂN BỐ
ĐƯỢC KHẨU TRỪ NĂM**

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

Kỳ tính thuế: Tháng....năm....hoặc quý....năm....

My dear dear. Thinking...Thinking...Thinking...Thinking...Thinking...

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

[03] Tên đại lý thuê (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

A. Thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ: đồng

Trong đó:

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp HHDV không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khâu trừ:

- Thué GTGT của HHDV mua vào không đủ điều kiện khấu trừ:

- Thuế GTGT của HHDV mua vào dùng chung cho SXKD
HHDV chịu thuế và không chịu thuế đều điều kiện khấu
trừ:

B. Điều chỉnh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ phân bổ của năm:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra trong năm (1)	
2	Doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế (2)	
3	Tỷ lệ % doanh thu HHDV bán ra chịu thuế trên tổng doanh thu của năm (3) = (2)/(1)	
4	Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào cần phân bổ trong năm (4)	
5	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm (5) = (4) x (3)	
6	Thuế GTGT đầu vào đã kê khai khấu trừ trong năm (6)	
7	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong năm (7) = (5) - (6)	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ho và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ghi chú - GTGT: giá trị giá tăng

- **STGT:** giá trị giá tăng
- **HHDV:** hàng hóa dịch vụ; **SXKD:** sản xuất kinh doanh

PHỤ LỤC

Mẫu số: 01 -5/GTGT
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156 /TT-BTC ngày 6/11/2013
 của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐÃ NỘP
 CỦA DOANH THU KINH DOANH XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT, BÁN HÀNG
 BẤT ĐỘNG SẢN NGOẠI TỈNH**

(Kèm theo tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm.....hoặc quý.....năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Số chứng từ nộp tiền thuế	Ngày nộp thuế	Nơi nộp tiền thuế (Kho bạc Nhà nước)	Cơ quan thuế quản lý hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh	Số tiền thuế đã nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC

**BẢNG PHÂN BỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO ĐỊA PHƯƠNG NƠI ĐÓNG TRỤ SỞ CHÍNH VÀ
CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG NƠI CÓ CƠ SỞ SẢN XUẤT TRỰC THUỘC KHÔNG THỰC HIỆN HẠCH TOÁN KẾ TOÁN**
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)
[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm.....hoặc quý....năm.....

Mẫu số: 01-6/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

- [02] Tên người nộp thuế:
 [03] Mã số thuế:
 [04] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [05] Mã số thuế:
 [06] Số thuế phải nộp của người nộp thuế:
 [07] Doanh thu chưa có thuế GTGT của sản phẩm sản xuất ra của người nộp thuế:

Đơn vị: đồng Việt Nam

STT	Tên cơ sở sản xuất trực thuộc	Mã số thuế	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Doanh thu của sản phẩm sản xuất của cơ sở sản xuất trực thuộc			Số thuế phải nộp cho từng địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc	Số thuế phải nộp cho từng địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc trong trường hợp [06] < [16]
				Hàng hóa chịu thuế suất 5%	Hàng hóa chịu thuế suất 10%	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14] = [12] + [13]	[15] = 1% x [12] + 2% x [13]	[17] = [06] x ([14]/[07])
1	Cơ sở A						
2	Cơ sở B						
3	Cơ sở C						
...								
Tổng cộng:							[16] = \sum [15]	[18] = \sum [17]

Số thuế phải nộp cho địa phương nơi có trụ sở chính ($[19] = [06] - [16]$):

Số thuế phải nộp cho địa phương nơi có trụ sở chính trong trường hợp $[06] < [16]$ ($[20] = [06] - [18]$):

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- Số liệu trên chỉ tiêu [06] được lấy từ chỉ tiêu [40] của Tờ khai 01/GTGT
- Trường hợp trong kỳ tính thuế, chỉ tiêu [06] < chỉ tiêu [16] thì số thuế phải nộp cho từng địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc được kê khai ở cột (9)
- GTGT: giá trị gia tăng

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ SỐ LƯỢNG XE ÔTÔ, XE HAI BÁNH GẮN MÁY BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm hoặc quýnăm....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Loại xe	Đơn vị tính	Tổng số lượng xe bán ra cho người tiêu dùng và số lượng xe xuất cho đại lý bán hưởng hoa hồng	Giá bán ghi trên hóa đơn (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	Xe ôtô				
1	...				
...	...				
	Tổng cộng				
B	Xe hai bánh gắn máy				
1	...				
...	...				
	Tổng cộng				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Bảng kê này dùng cho tất cả các cơ sở kinh doanh có phát sinh doanh số bán xe ôtô, xe hai bánh gắn máy. Cơ sở kinh doanh lập và gửi đến cơ quan thuế cùng với tờ khai thuế GTGT hàng tháng. Cách ghi:
- Cột (2): Ghi rõ tên xe, chủng loại xe, đời xe, năm sản xuất bán ra trong tháng.
- Cột (4): Ghi số lượng xe bán tới người tiêu dùng và số xe xuất cho đại lý bán hưởng hoa hồng.
- Cột (5): Ghi giá bán ghi trên hóa đơn (bao gồm cả thuế GTGT) của những xe bán tới người tiêu dùng và xe xuất giao cho đại lý bán hưởng hoa hồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG⁴

(Dành cho người nộp thuế mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm hoặc quý.....năm....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	
2	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra	[22]	
3	Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	
6	Giá trị gia tăng (GTGT) chịu thuế trong kỳ: [26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25];	[26]	

⁴ Mẫu tờ khai này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

7	Thuế GTGT phải nộp: [27]=[26] x thuế suất thuế GTGT	[27]	
---	--	------	--

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật
về số liệu đã khai ./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Dành cho người nộp thuế tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh

Tháng năm hoặc quý năm ...

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Nhóm ngành	Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 0% và không chịu thuế	Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế	Tỷ lệ GTGT	Thuế giá trị gia tăng phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Phân phối, cung cấp hàng hoá		[22]	1%	[23]=[22]x1%
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu		[24]	5%	[25]=[24]x5%
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[21]	[26]	3%	[27]=[26]x3%
4	Hoạt động kinh doanh khác		[28]	2%	[29]=[28]x2%
	Tổng		[30]=[22]+[24]+[26]+[28]		[31]=[23]+[25]+[27]+[29]

Tổng doanh thu [32]=[21]+[30]:.....

Tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp [33]=[31]:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 04-1/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA
(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 04/GTGT)
(được bãi bỏ)⁵

⁵ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Tạm nộp trên doanh số đối với kinh doanh ngoại tỉnh)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh

Tháng..... năm

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ []

[04] Tên người nộp thuế:.....

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế 5%	Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế 10%
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh số của hàng hoá dịch vụ chịu thuế	[21]	[22]
2	Tỷ lệ % tạm nộp tính trên doanh thu	[23] 1%	[24] 2%
3	Số thuế tạm tính phải nộp kỳ này [25] = [21] x 1%; [26] = [22] x 2%	[25]	[26]

Tổng số thuế phải nộp [27] = [25] + [26]:

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 06/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO
ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Kính gửi:(Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp).....

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Nghề nghiệp/ Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:

Hiện nay, chúng tôi đang thực hiện tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp; do điều kiện của cơ sở kinh doanh chúng tôi và qua xem xét các điều kiện tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp , cơ sở chúng tôi đăng ký với cơ quan thuế được áp dụng tính thuế theo phương pháp

Thời gian để nghị được áp dụng kể từ năm.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện tính thuế, khai thuế và nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các pháp luật thuế có liên quan.

Nếu vi phạm luật thuế và các chế độ quy định, chúng tôi xin chịu xử lý theo pháp luật./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Chuyển đổi kỳ khai thuế GTGT từ Quý sang Tháng⁶

Kính gửi:(Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp).....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Nghề nghiệp/ Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:
.....

Hiện nay, cơ sở chúng tôi đang thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo Quý, do điều kiện của cơ sở và qua xem xét các điều kiện khai giá trị gia tăng theo Quý, cơ sở chúng tôi đăng ký với cơ quan thuế được chuyển đổi kỳ khai thuế GTGT từ Quý sang Tháng.

Thời gian đề nghị được áp dụng kể từ kỳ khai thuế GTGT tháng 01 năm.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện tính thuế, khai thuế và nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các pháp luật thuế có liên quan.

Nếu vi phạm luật thuế và các chế độ quy định, chúng tôi xin chịu xử lý theo pháp luật./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

⁶ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH
(Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... Năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa

Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý: số.....ngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	
2	Chi phí phát sinh trong kỳ	[22]	
3	Lợi nhuận phát sinh trong kỳ ($[23]=[21]-[22]$)	[23]	
4	Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế	[24]	
5	Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế	[25]	
6	Thu nhập chịu thuế ($[26]=[23]+[24]-[25]$)	[26]	
7	Thu nhập miễn thuế	[27]	
8	Số lỗ chuyển kỳ này	[28]	
9	Thu nhập tính thuế ($[29]=[26]-[27]-[28]$)	[29]	
9.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	[30]	
9.2	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 22%	[31]	
9.3	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất ưu đãi	[32]	
	+ Thuế suất ưu đãi (%)	[32a]	
9.4	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất khác	[33]	
	+ Thuế suất khác (%)	[33a]	

10	Thuế TNDN phát sinh [34] = ([30] x 20%) + ([31]x22%) + ([32] x [32a]) + ([33] x [33a])	[34]	
11	Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm	[35]	
11.1	Trong đó: + số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định (nếu có)	[35a]	
11.2	+ Miễn, giảm khác ngoài Luật Thuế TNDN (nếu có)	[35b]	
12	Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([36]= [34]-[35])	[36]	

[37] Đối tượng được gia hạn

[37a] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo :

[37b] Thời hạn được gia hạn:

[37c] Số thuế TNDN được gia hạn :

[37d] Số thuế TNDN không được gia hạn:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về
số liệu đã khai ./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH
(Dành cho người nộp thuế khai theo tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... Năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa

Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có) :

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý: sốngày.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	
a	Doanh thu theo thuế suất không ưu đãi:	[22]	
	Doanh thu theo thuế suất không ưu đãi: 20%	[22a]	
	Doanh thu theo thuế suất không ưu đãi: 22%	[22b]	
	Doanh thu theo thuế suất không ưu đãi khác	[22c]	
b	Doanh thu của hoạt động được ưu đãi về thuế suất	[23]	
2	Tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu (%)	[24]	
3	Thuế suất	[25]	
	Thuế suất không ưu đãi: 20%	[25a]	
	Thuế suất không ưu đãi: 22%	[25b]	
	Thuế suất không ưu đãi khác (%):	[25c]	
b	Thuế suất ưu đãi (%)	[26]	
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phát sinh trong kỳ ([27]=[28]+[29])	[27]	
a	Thuế TNDN của hoạt động không ưu đãi ($[28]=[22a] \times [24] \times [25a] + [22b] \times [24] \times [25b] + [22c] \times [24] \times [25c]$)	[28]	
b	Thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi về thuế	[29]	

		suất ($[29] = [23] \times [24] \times [26]$)		
5		Thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến miễn, giảm	[30]	
	a	Trong đó: + số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	[30a]	
	b	+ Miễn, giảm khác ngoài Luật Thuế TNDN (nếu có)	[30b]	
6		Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ($[31] = [27] - [30]$)	[31]	

[32] Đối tượng được gia hạn

[32a] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo :

[32b] Thời hạn được gia hạn:

[32c] Số thuế TNDN được gia hạn :

[32d] Số thuế TNDN không được gia hạn:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú: - TNDN: thuế thu nhập doanh nghiệp

PHU LUC

TÍNH NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH QUÝ CỦA DOANH NGHIỆP CÓ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT HẠCH TOÁN PHU THUỘC

(Kèm theo tờ khai tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp số .../TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Quý.... Năm

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tổng số thuế phải nộp trên tờ khai:đồng

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên doanh nghiệp, Cơ sở sản xuất	Mã số thuế	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phân bổ
[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]
Tổng cộng					[13]=[06]

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: _____

Chúng chi hành nghề số:.....

..... Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 02/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 151/2014/TT-BTC ngày
10/10/2014 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP⁷

(Dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản
theo từng lần phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh: Ngày..... tháng..... năm.....
 Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:

1. Bên chuyển nhượng:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ trụ sở:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] tinh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng:

[12] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:.....

[13] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp) hoặc số chứng minh nhân dân (đối với cá nhân):

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:.....

[15] Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày tháng năm có công chứng hoặc
chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày ... tháng ... năm.... (nếu có).

[16] Tên Đại lý thuế (nếu có):.....

[17] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[18] Địa chỉ:.....

[19] Quận/huyện:..... [20] Tỉnh/Thành phố:.....

[21] Điện thoại:..... [22] Fax:..... [23] Email:.....

[24] Hợp đồng đại lý: số ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[25]	
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[26]	
2.1	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[27]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[28]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[29]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[30]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[31]	
2.6	- Chi phí khác	[32]	
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ([33]=[25]-[26])	[33]	
4	Thuế suất thuế TNDN (%)	[34]	
5	Thuế TNDN phải nộp ([35]=[33] x [34])	[35]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: - TNDN: thu nhập doanh nghiệp

Chú thích 1:

⁷ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

PHỤ LỤC

Mẫu số: 02-1/TNDN
*(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
của Bộ Tài chính)*

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁC BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN
(Kèm theo tờ khai quý đối với doanh nghiệp phát sinh thường xuyên hoạt động bất động sản)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: _____

[04] Tên đại lý thuê (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

(CMND: Chứng minh nhân dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., Ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP⁸

[01] Kỳ tính thuế: từ đến

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ:

Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%): %

[06] Tên người nộp thuế:

[07] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[08] Địa chỉ:

[09] Quận/huyện: [10] Tỉnh/Thành phố:

[11] Điện thoại: [12] Fax: [13] Email:

[14] Tên đại lý thuế (nếu có):

[15] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[16] Địa chỉ:

[17] Quận/huyện: [18] Tỉnh/Thành phố:

[19] Điện thoại: [20] Fax: [21] Email:

[22] Hợp đồng đại lý thuế: số: ngày:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)	B1	
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11)	B8	

2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (B14=B12-B13)	B14	
C	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh	C	
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	
2	Thu nhập miễn thuế	C2	
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BDS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi + Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C9 C9a	
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10 =(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định + Số thuế TNDN được miễn, giảm không theo Luật Thuế	C13 C14	
9.2	TNDN		
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	
D	Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)	D	
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	D1	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	
E	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E = E1+E2+E3)	E	
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	
G	Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G = G1+G2+G3)	G	
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1 = D1-E1)	G1	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2 = D2-	G2	

3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3 = D3-E3)	G3	
H	20% số thuế TNDN phải nộp (H = D*20%)	H	
I	Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I = G-H)	I	

L. Gia hạn nộp thuế (nếu có)

[L1] Đối tượng được gia hạn

[L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo :

[L3] Thời hạn được gia hạn:

[L4] Số thuế TNDN được gia hạn :

[L5] Số thuế TNDN không được gia hạn:.....

M.Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)

[M1] Số ngày chậm nộp.....ngày, từ ngày.....đến ngày

[M2] Số tiền chậm nộp:

I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
1	
2	
3	
4	

Tôi cam đoan là các số liệu, tài liệu kê khai này là đúng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, tài liệu đã kê khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú : - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp

⁸ Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ đến

Tên người nộp thuế

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ($[03]=[04]+[05]+[06]+[07]$)	[03]	
a	Chiết khấu thương mại	[04]	
b	Giảm giá hàng bán	[05]	
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[08]	
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ($[09]=[10]+[11]+[12]$)	[09]	
a	Giá vốn hàng bán	[10]	
b	Chi phí bán hàng	[11]	
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	
5	Chi phí tài chính	[13]	
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ($[15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13]$)	[15]	
7	Thu nhập khác	[16]	
8	Chi phí khác	[17]	
9	Lợi nhuận khác ($[18]=[16]-[17]$)	[18]	
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ($[19]=[15]+[18]$)	[19]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu
đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: - Số liệu tại chi tiêu [19] của Phụ lục này được ghi vào chi tiêu mã số A1 của Tờ khai quyết toán
thuế TNDN của cùng kỳ tính thuế.

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành ngân hàng, tín dụng

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ đến

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	[01]	
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	[02]	
3	Thu nhập lãi thuần ($[3] = [1] - [2]$)	[03]	
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	[04]	
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	[05]	
6	Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ ($[6] = [4] - [5]$)	[06]	
7	Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	[07]	
8	Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	[08]	
9	Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	[09]	
10	Thu nhập từ hoạt động khác	[10]	
11	Chi phí hoạt động khác	[11]	
12	Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác ($[12] = [10] - [11]$)	[12]	
13	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	[13]	
14	Chi phí hoạt động	[14]	
15	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	[15]	
16	Tổng lợi nhuận trước thuế ($[16] = [3]+[6]+[7]+[8]+[9]+[12]+[13]-[14]-[15]$)	[16]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú: Số liệu tại chỉ tiêu [16] của Phụ lục này được ghi vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng kỳ tính thuế.

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Dành cho người nộp thuế là các Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ đến

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:			
1	Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh ($[01] = [02]+[03]+[04]+[05]+[06]+[07]+[08]+[09]+[10]$)	[01]	
a	Thu phí dịch vụ môi giới chứng khoán	[02]	
b	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	[03]	
c	Thu phí bảo lãnh và phí đại lý phát hành	[04]	
d	Thu phí tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	[05]	
e	Thu phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các khoản tiền thưởng cho công ty quản lý quỹ	[06]	
f	Thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ	[07]	
g	Phí thù lao hội đồng quản trị nhận được do tham gia hội đồng quản trị của các công ty khác	[08]	
h	Chênh lệch giá chứng khoán mua bán trong kỳ, thu lãi trái phiếu từ hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của công ty quản lý quỹ	[09]	
i	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	[10]	
2	Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh ($[11]=[12]+[13]+.....+[22]+[23]$)	[11]	
a	Chi nộp phí thành viên trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với công ty là thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán)	[12]	
b	Chi phí lưu ký chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán	[13]	
c	Phí niêm yết và đăng ký chứng khoán (đối với công ty phát hành chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán)	[14]	
d	Chi phí liên quan đến việc quản lý quỹ đầu tư, danh mục đầu tư	[15]	
e	Chi phí huy động vốn cho quỹ đầu tư	[16]	

f	Chi trả lãi tiền vay	[17]	
g	Chi phí thù lao cho hội đồng quản trị	[18]	
h	Chi nộp thuế, phí, lệ phí phải nộp có liên quan đến hoạt động kinh doanh	[19]	
i	Chi hoạt động quản lý và công vụ, chi phí cho nhân viên	[20]	
k	Chi khấu hao tài sản cố định, chi khác về tài sản	[21]	
l	Trích dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh	[22]	
m	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	[23]	
3	Lãi (lỗ) từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh ($[24]=[01]-[11]$)	[24]	
4	Các khoản thu nhập khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	[25]	
5	Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	[26]	
6	Lãi (lỗ) khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh ($[27]=[25]-[26]$)	[27]	
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ($[28]=[24]+[27]$)	[28]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Số liệu tại chỉ tiêu [28] của Phụ lục này được ghi vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai quyết toán thuế TNDN của cùng kỳ tính thuế.

PHỤ LỤC
CHUYỂN LỐ
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
 Kỳ tính thuế: từđến.....

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Xác định số lô được chuyển trong kỳ tính thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lô	Số lô phát sinh	Số lô đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lô được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lô còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	...				
2	...				
....				
	...				
Tổng cộng:					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu
 đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

PHỤ LỤC
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm, dự án đầu tư mới

và dự án đầu tư đặc biệt quan trọng
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ đến

Tên người nộp thuế:

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

- Doanh nghiệp sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư.**
 - Doanh nghiệp di chuyển địa điểm ra khỏi đô thị theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.**
 - Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư.**
 - Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.**
 - Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.**
 - Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao.**
 - Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá hoặc có thu nhập từ hoạt động xã hội hoá.**
 - Dự án đầu tư đặc biệt quan trọng.**
 - Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; Quỹ tín dụng nhân dân; Tổ chức tài chính vi mô; Cơ quan xuất bản.**
 - Ưu đãi theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.**
 - Ưu đãi khác**

2. Mức độ ưu đãi thuế:

- 2.1- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi:.....%
2.2- Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi..... năm, kể từ năm.....
2.3- Thời gian miễn thuế năm, kể từ năm.....
2.4- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp:năm, kể từ năm.....

B. Xác định số thuế được ưu đãi:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
3	Xác định số thuế TNDN chênh lệch do doanh nghiệp hưởng thuế suất ưu đãi		
3.1	Tổng thu nhập tính thuế được hưởng thuế suất ưu đãi	[1]	
3.2	Thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	[2]	
3.3	Thuế TNDN tính theo thuế suất không phải thuế suất ưu đãi	[3]	
3.4	Thuế TNDN chênh lệch ($[4]=[3]-[2]$)	[4]	
4	Xác định số thuế được miễn, giảm trong kỳ tính thuế		
4.1	Tổng thu nhập tính thuế được miễn thuế hoặc giảm thuế	[5]	
4.2	Thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng (%)	[6]	
4.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[7]	
4.4	Tỷ lệ thuế TNDN được miễn hoặc giảm (%)	[8]	
4.5	Thuế TNDN được miễn, giảm	[9]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

..., ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Họ và tên:

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: - TNDN: thu nhập doanh nghiệp.

PHỤ LỤC
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI
**Đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô,
đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất**
(dự án đầu tư mở rộng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế: từ đến.....

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

- Ngành nghề, địa bàn đầu tư:

Đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới không thuộc ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư.

Đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Dự án đầu tư:

Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới

Đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất

Trong đó, dự án đầu tư bao gồm các hạng mục đầu tư:

- Hạng mục đầu tư :

- Hạng mục đầu tư:.....

- Hạng mục đầu tư:.....

- Thời gian đăng ký bắt đầu thực hiện miễn, giảm thuế:.....

2. Mức độ ưu đãi thuế:

2.1- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) ưu đãi:.....%

2.2- Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi:..... năm, kể từ năm.....

2.3- Thời gian miễn thuế: năm, kể từ năm.....

2.4- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp: năm, kể từ năm

B. Xác định số thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được ưu đãi:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
3	Xác định thu nhập tính thuế tăng thêm được hưởng ưu đãi		
3.1	Tổng nguyên giá TSCĐ dùng cho sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế	[01]	
3.2	Tổng giá trị TSCĐ đầu tư mới đã đưa vào sản xuất kinh doanh	[02]	
3.3	Tổng thu nhập tính thuế trong năm	[03]	
3.4	Thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại được miễn hoặc giảm (đề nghị cho công thức tính)	[04]	
4	Xác định số thuế TNDN chênh lệch do doanh nghiệp hưởng thuế suất ưu đãi		
4.1	Thuế TNDN tính theo thuế suất không phải thuế suất ưu đãi	[05]	
4.2	Thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	[06]	
4.2	Thuế TNDN chênh lệch [07] = [05] – [06]	[07]	
5	Xác định số thuế được miễn, giảm trong kỳ tính thuế		
5.1	Thuế suất thuế TNDN đang áp dụng (%)	[08]	
5.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[09]	
5.3	Tỷ lệ thuế TNDN được miễn hoặc giảm (%)	[10]	
5.4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	[11]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: - TNDN: thu nhập doanh nghiệp.

- TSCĐ: tài sản cố định

PHỤ LỤC
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

**Đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp
hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ**

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từđến.....

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:.....người

- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số..... ngày.....

Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:.....người

- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động là người dân tộc thiểu số mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số..... ngày.....

2. Mức độ ưu đãi thuế:

Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tương ứng mức chi cho lao động nữ.

Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số.

B. Xác định số thuế được giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
3	Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được giảm trong kỳ tính thuế:		
3.1	Tổng các khoản chi cho lao động nữ	[01]	

3.2	Tổng các khoản chi cho lao động là người dân tộc thiểu số	[02]	
3.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[03]	
3.4	Thuế TNDN được giảm tương ứng mức chi cho lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số: (Không quá số thuế TNDN phải nộp)	[04]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: - TNDN: thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mẫu số: 03-4/TNDN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐÃ NỘP Ở NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC TRỪ TRONG KỲ TÍNH THUẾ *(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)*

Kỳ tính thuế: từ đến

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế:

STT	Tên và địa chỉ của Người nộp thuế khấu trừ thuế ở nước ngoài	Thu nhập nhận được ở nước ngoài		Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài cho phần thu nhập nhận được		Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN		Xác định thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ		
		Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	Ngoại tệ	Đồng Việt Nam	Thuế suất thuế TNDN (%)	Số thuế phải nộp theo Luật thuế TNDN	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được khấu trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)+(5)	(8)=(4)+(6)	(9)	(10)=(8)x(9)	(11)
1										
...									
	Tổng cộng									

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: -TNDN: thu nhập doanh nghiệp
 - Cột ngoại tệ: ghi rõ loại ngoại tệ

Phụ lục

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN⁹
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
 Kỳ tính thuế: từ đến.....

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--

Tên đại lý thuế (nếu có):.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[01]	
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[02]	
2.1	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[03]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[04]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[05]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[06]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[07]	
2.6	- Chi phí khác	[08]	
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ([09]=[01]-[02])	[09]	
4	Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản từ những năm trước được chuyển sang	[10]	
5	Thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ([11]=[09]-[10])	[11]	
5a	Số lỗ từ chuyển nhượng BDS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	[11a]	
6	Trích lập Quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	[12]	
7	Thu nhập tính thuế TNDN sau khi trừ trích lập Quỹ KHCN ([13]=[11]-[12])	[13]	
8	Thuế suất thuế TNDN (%)	[14]	
9	Thuế TNDN phải nộp của bất động sản trong năm ([15]=[13] x [14])	[15]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú : - TNDN: thu nhập doanh nghiệp

⁹ Phụ lục này được ban hành kèm theo khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

Mẫu số: 03-6/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO TRÍCH, SỬ DỤNG QUỸ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN số 03/TNDN)
(được bãi bỏ)¹⁰

¹⁰ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC hướng dẫn nội dung chi và quản lý phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016 và áp dụng cho việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016.

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT¹¹
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế: từ.....đến.....

Mẫu số: 03-7/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
của Bộ Tài chính)

¹¹ Mẫu này được bãi bỏ và thay thế bởi các mẫu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 41/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2017.

Mẫu số: 03-8/TNDN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

TÍNH NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CÓ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN) Kỳ tính thuế: Từđến.....

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

[05] Tổng số thuế phải nộp trên tờ khai quyết toán:đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên doanh nghiệp/cơ sở sản xuất	Mã số thuế	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế đã tạm phân bổ từng quý				Tổng số thuế đã tạm phân bổ cả năm	Phân bổ tổng số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán	Phân bổ số thuế chênh lệch sau quyết toán
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]=[11]+[12]+[13]+[14]	[16]	[17]=[16]-[15]

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 04/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 151/2014/TT-BTC ngày
10/10/2014 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP¹²

(Dùng cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế:

Từng lần phát sinh: Ngày.....tháng.....năm.....
 Năm.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: sốngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu									Tổng số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
	Đối với dịch vụ			Đối với kinh doanh hàng hoá			Đối với hoạt động khác				
	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%)	Số thuế phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%)	Số thuế phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ (%)	Số thuế phải nộp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(4)+(7)+(10)	
Tổng cộng											

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

¹² Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

Mẫu số: 05/TNDN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

(của tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam
 không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh: Ngày..... tháng..... năm.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

Bên chuyển nhượng vốn:

[04] Tên tổ chức có vốn chuyển nhượng:.....

[05] Địa chỉ trụ sở chính:.....

Bên nhận chuyển nhượng vốn:

[06] Tên tổ chức hoặc cá nhân nhận vốn chuyển nhượng:.....

[07] Quốc tịch:.....

[08] Địa chỉ trụ sở chính:.....

[09] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp) hoặc số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu (đối với cá nhân):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[10] Tên đại lý thuế (nếu có):

[11] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện: [14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại: [16] Fax: [17] Email:

[18] Hợp đồng đại lý: số.....ngày.....

[19] Tên doanh nghiệp có vốn được chuyển nhượng:.....

[20] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[21] Hợp đồng chuyển nhượng: số.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá chuyển nhượng	[22]	

2	Giá mua của phần vốn chuyền nhượng	[23]	
3	Chi phí chuyền nhượng	[24]	
4	Thu nhập từ hoạt động chuyền nhượng vốn [25]=[22]-[23]-[24]	[25]	
5	Thuế suất (%)	[26]	
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp [27]=[25]x[26]	[27]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP¹³

(Dùng cho doanh nghiệp kê khai thuế TNDN từ hoạt động bán toàn bộ Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)

- [01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh: Ngày.....tháng.....năm.....
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ:

1. Bên chuyển nhượng:

- [04] Tên người nộp thuế.....
[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ trụ sở:.....
[07] Quận/huyện:..... [08] tỉnh/thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng:

- [12] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:.....
[13] Mã số thuế (đối với doanh nghiệp) hoặc số chứng minh nhân dân (đối với cá nhân):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:.....
[15] Hợp đồng chuyển nhượng: Số: ngày tháng năm có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày ... tháng ... năm.... (nếu có).
[16] Tên Đại lý thuế (nếu có):.....
[17] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[18] Địa chỉ:.....
[19] Quận/huyện:..... [20] Tỉnh/Thành phố:.....
[21] Điện thoại:..... [22] Fax:..... [23] Email:.....
[24] Hợp đồng đại lý: số ngày

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[25]	
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[26]	
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[27]	
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[28]	
2.3	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[29]	
2.4	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[30]	
2.5	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[31]	
2.6	- Chi phí khác (bao gồm cả giá mua của phần vốn chuyển nhượng)	[32]	
3	Thu nhập từ hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản ($[33]=[25]-[26]$)	[33]	
4	Số lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển kỳ này	[34]	
5	Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) từ hoạt động bán toàn bộ Công ty có gắn với chuyển nhượng bất động sản ($[35]=[33]-[34]$)	[35]	
6	Thuế suất thuế TNDN (%)	[36]	
7	Thuế TNDN phải nộp ($[37]=[35] \times [36]$)	[37]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

¹³ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

PHỤ LỤC

Mẫu số: 01-1/TTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA CHỊU THUẾ TIỀU THỤ ĐẶC BIỆT

(Kèm theo Tờ khai Thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

(được bãi bỏ)¹⁴

¹⁴ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

PHỤ LỤC

Mẫu số: 01-2/TTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN HÀNG HÓA MUA VÀO
CHỊU THUẾ TIÊU THU ĐẶC BIỆT**

(Kèm theo Tờ khai Thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

(được bãi bỏ)¹⁵

¹⁵ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN

Mẫu số: 01/TAIN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

- [01] Kỳ tính thuế: tháng năm
 Lần phát sinh, ngày tháng năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:
[05] Mã số thuế:
[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/ Thành phố:
[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:
[12] Đại lý thuế (nếu có) :
[13] Mã số thuế:
[14] Địa chỉ:
[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:
[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:
[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày
.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

III	Tài nguyên tịch thu, giao bán:								
1	Tài nguyên A								
2	Tài nguyên B								
								
	Tổng cộng:	x	x	x	x	x			

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

...., Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Riêng đối với tài nguyên khai thác được ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trên 1 đơn vị sản lượng tài nguyên thì thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế tại chí tiêu (8) = (4) x (7)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/TAIN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN

- [01] Kỳ tính thuế: Năm ...
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/ Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Đại lý thuế (nếu có) :.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuê, số:..... ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., Ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú : Riêng đối với tài nguyên khai thác được ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trên 1 đơn vị sản lượng tài nguyên thì thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế tại chí tiêu (8)= (4) x (7)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TBVMT
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013
của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh: Ngày tháng năm

Tháng năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:.....[08] Tỉnh/ Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Đại lý thuế (nếu có) :.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:.....ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Số lượng tính thuế		Mức thuế	Thuế bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Số lượng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
	Hàng hoá A				
	Hàng hoá B				
	Tổng cộng				

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Số chứng chỉ hành nghề:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01-1/TBVMT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)*

BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHẢI NỘP CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ khai thuế BVMT mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.....Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

ANSWER

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

ANSWER

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI KHẨU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN¹⁶
(Áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.....năm..... hoặc Quý.....năm

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: -

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế: -

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[21]	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[22]	Người	
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]	[23]	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	[24]	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	[25]	Người	
3	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân	[26]	VND	

¹⁶ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

	[26]=[27]+[28]			
3.1	Cá nhân cư trú	[27]	VND	
3.2	Cá nhân không cư trú	[28]	VND	
4	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khai trừ thuế [29]=[30]+[31]	[29]	VND	
4.1	Cá nhân cư trú	[30]	VND	
4.2	Cá nhân không cư trú	[31]	VND	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [32]=[33]+[34]	[32]	VND	
5.1	Cá nhân cư trú	[33]	VND	
5.2	Cá nhân không cư trú	[34]	VND	
6	Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[35]	VND	
7	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[36]	VND	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI KHẨU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN¹⁷

(Áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khẩu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trung thương của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: tháng năm hoặc quý năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: -

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế: -

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):

[21] Mã số thuế: -

[22] Địa chỉ:

[23] Quận/huyện: [24] Tỉnh/thành phố:

[25] Điện thoại: [26] Fax: [27] Email:

[28] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh	Số lũy kế
I	Thu nhập từ đầu tư vốn			

¹⁷ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

1	Tổng thu nhập tính thuế	[29]		
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	[30]		
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán			
1	Tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán	[31]		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[32]		
III	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại			
1	Tổng thu nhập tính thuế	[33]		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[34]		
IV	Thu nhập từ trúng thưởng			
1	Tổng thu nhập tính thuế	[35]		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[36]		
V	Doanh thu từ kinh doanh của cá nhân không cư trú			
1	Tổng doanh thu tính thuế trả cho cá nhân	[37]		
2	Tổng số thuế đã khấu trừ	[38]		
VI	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú			
1	Tổng giá chuyển nhượng vốn	[39]		
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[40]		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN
QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN¹⁸**

Năm

Tên tôi là: Quốc tịch:.....

Mã số thuế:

Năm tôi chỉ có thu nhập chịu thuế tại một nơi là Công ty/đơn vị;

Năm tôi có thu nhập chịu thuế tại Công ty/đơn vị;

và có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng/tháng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ tại nguồn.

Đề nghị Công ty/đơn vị (Mã số thuế:)
thay mặt tôi thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm với cơ quan thuế.

Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra phát hiện tôi có thu nhập chịu thuế ở nơi khác thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹⁸ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 05/QTT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN¹⁹

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế
từ tiền lương, tiền công cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: -

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế: -

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[21]	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[22]	Người	
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]	[23]	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	[24]	Người	

¹⁹ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2.2	Cá nhân không cư trú	[25]	Người	
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[26]	Người	
4	Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh	[27]	Người	
5	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [28]=[29]+[30]	[28]	VND	
5.1	Cá nhân cư trú	[29]	VND	
5.2	Cá nhân không cư trú	[30]	VND	
6	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [31]=[32]+[33]	[31]	VND	
6.1	Cá nhân cư trú	[32]	VND	
6.2	Cá nhân không cư trú	[33]	VND	
7	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ [34]=[35]+[36]	[34]	VND	
7.1	Cá nhân cư trú	[35]	VND	
7.2	Cá nhân không cư trú	[36]	VND	
8	Tổng số thuế được giảm do làm việc tại khu kinh tế [37]=[38]+[39]	[37]	VND	
8.1	Cá nhân cư trú	[38]	VND	
8.2	Cá nhân không cư trú	[39]	VND	
9	Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[40]	VND	
10	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[41]	VND	

II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	[42]	Người	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[43]	VND	
3	Tổng số thuế TNCN phải nộp	[44]	VND	
4	Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN	[45]	VND	
5	Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa	[46]	VND	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

...,ngàythángnăm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN
THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIÊU LƯY TIỀN TÙNG PHẦN²⁰
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

-

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--

-

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	Thu nhập chịu thuế		Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Số thuế TNCN được giảm do làm việc trong KKT	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế					
					Tổng số	Trong đó: TNCT được giảm thuế	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ				Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải nộp			
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]		

²⁰ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

(KKT: Khu kinh tế; TNCN: thu nhập cá nhân; NPT: người phụ thuộc)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN
THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT TOÀN PHẦN²¹
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

Mẫu số: 05-2/BK-QTT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
92/2015/TT-BTC ngày
15/6/2015 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--

[05] Mã số thuế:

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế (TNCT)			Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ		Số thuế TNCN được giảm do làm việc tại KKT	
					Tổng số	Trong đó: TNCT từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	Trong đó: TNCT được giảm thuế	Tổng số	Trong đó: Số thuế từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động		
						Làm việc tại KKT	Theo Hiệp định				
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1											
2											
...											

²¹ Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tổng	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]
------	------	------	------	------	------	------	------

(KKT: Khu kinh tế; BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu(nếu có)

Phụ lục

BẢNG KÊ THÔNG TIN NGƯỜI PHỤ THUỘC GIÁM TRỪ GIA CẢNH²²
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

Mẫu số: 05-3/BK-QTT-TNCN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 92/2015/TT-BTC ngày
 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

STT	Họ và tên người nộp thuế	MST của người nộp thuế	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh người phụ thuộc	MST của người phụ thuộc	Quốc tịch người phụ thuộc	CMND / Hộ chiếu của người phụ thuộc	Quan hệ với người nộp thuế	Thông tin trên giấy khai sinh của người phụ thuộc (Nếu người phụ thuộc không có MST, CMND và Hộ chiếu)					Thời gian tính giám trừ		
									Số	Quyền số	Nơi đăng ký					
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]
1																
2																
3																
...																
...																

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân)

²² Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...,ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 06/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/2013/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khâu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Số tiền
I Thu nhập từ đầu tư vốn:				
1	Tổng thu nhập tính thuế	[21]	VND	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	[22]	VND	
II Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:				
1	Tổng giá trị chứng khoán chuyển nhượng	[23]	VND	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[24]	VND	
III Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại:				
1	Tổng thu nhập tính thuế	[25]	VND	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[26]	VND	
IV Thu nhập từ trúng thưởng:				
1	Tổng thu nhập tính thuế	[27]	VND	

2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[28]	VND	
V	Thu nhập từ kinh doanh trả cho cá nhân không cư trú:			
1	Tổng số cá nhân nhận thu nhập chịu thuế	[29]	Người	
2	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	[30]	VND	
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[31]	VND	
VI	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú			
1	Tổng giá chuyển nhượng vốn	[32]	VND	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[33]	VND	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC

**BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ THUẾ
 THU NHẬP CÁ NHÂN ĐÃ KHẨU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP
 TỪ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN**

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 06/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT [06]	Họ và tên [07]	Mã số thuế [08]	Số CMND/ Hộ chiếu [09]	Tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ [10]	Thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [11]
1					
2					
3					
...					
Tổng cộng				[12]	[13]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày tháng năm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)